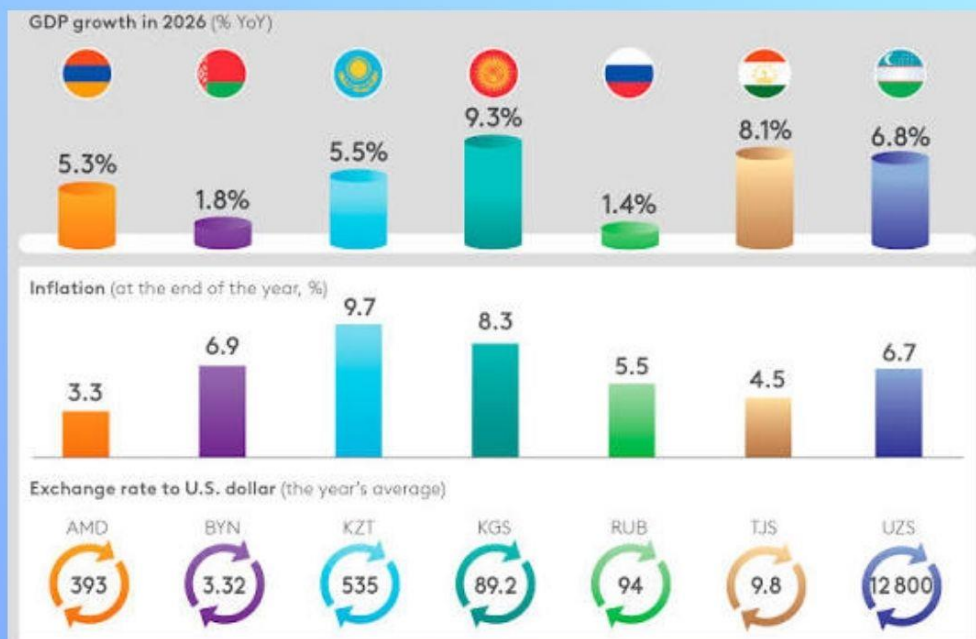




# THÔNG TIN

## KINH TẾ | TÀI CHÍNH | TIỀN TỆ

Tháng 8 năm 2026



*Kinh tế toàn cầu tiếp tục chịu áp lực từ lãi suất cao và rủi ro địa chính trị*

*Các NHTW lớn trước rủi ro lạm phát, nợ công và ổn định tiền tệ*

*Sản xuất công nghiệp 8 tháng đầu năm ghi nhận mức tăng cao nhất trong nhiều năm qua*

*Các ngân hàng có lợi thế hệ sinh thái số và duy trì được tệp khách hàng cá nhân lớn sẽ có ưu thế bảo vệ NIM*

LƯU HÀNH NỘI BỘ



<https://vnba.org.vn/>



(024) 382 187 33



**HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM**  
VIETNAM BANK'S ASSOCIATION

---

## **BẢN TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ**

### **Tháng 8/2026**

#### **CÁC THÔNG TIN CHÍNH**

##### **Kinh tế - tài chính, ngân hàng trong nước**

- Sản xuất công nghiệp 8 tháng đầu năm ghi nhận mức tăng cao nhất trong nhiều năm qua;
- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2026, đạt 770,14 tỷ USD - mức cao nhất từ trước đến nay;
- Lãi suất LNH qua đêm trong tháng 8/2026 giảm sâu nhất kể từ đầu năm;
- Diễn biến tỷ giá trung tâm tăng nhẹ và tỷ giá LNH giảm đã phản ánh chính xác cung - cầu thực tế trong tháng 8/2026;
- Động lực chính của tăng trưởng lợi nhuận ngân hàng trong nửa đầu năm đến từ việc tối ưu hóa chi phí hoạt động và sự phục hồi của sức cầu nền kinh tế;
- Các ngân hàng có lợi thế hệ sinh thái số và duy trì được tệp khách hàng cá nhân sẽ có ưu thế bảo vệ NIM.

##### **Kinh tế - tài chính thế giới**

- Kinh tế toàn cầu tiếp tục chịu áp lực từ lãi suất cao và rủi ro địa chính trị;
- Kinh tế Mỹ tăng trưởng chậm lại, khu vực EURO và Nhật Bản lo ngại lạm phát;
- Tăng trưởng sản xuất trong khu vực ASEAN chậm lại nhưng vẫn ổn định;
- Thương mại hàng hóa toàn cầu giảm tốc, xu thế bảo hộ lan rộng;
- Thị trường trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm toàn cầu trong tháng 8/2026 trước áp lực bán tháo diện rộng đẩy lợi suất (yield) lên các mức cao trong nhiều thập niên;
- Thị trường năng lượng tăng giá mạnh vào nửa cuối tháng 8, giá lương thực tăng cao trở lại;
- Các NHTW lớn trước rủi ro lạm phát, nợ công và ổn định tiền tệ.

# THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ THÁNG 8 NĂM 2026

## I. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

Kinh tế toàn cầu tháng 8/2026 vẫn có sự bền bỉ và tiếp tục tăng trưởng ổn định nhưng phân hóa rõ rệt, tiếp tục chịu áp lực từ chi phí vốn cao và rủi ro địa chính trị.

Lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI) và chuỗi cung ứng chất bán dẫn tiếp tục đóng vai trò là "cứu cánh", bù đắp cho sự chững lại của các ngành sử dụng nhiều lao động và tác động từ các rào cản thuế quan mới. Đà giảm lạm phát (disinflation) toàn cầu bị gián đoạn cục bộ do các cú sốc cung ứng năng lượng từ Trung Đông từ đầu năm, khiến chi phí đầu vào và lãi suất trái phiếu duy trì ở mức cao. Tăng trưởng kinh tế giữa các khu vực ngày càng phân hóa. Trong khi kinh tế Mỹ hạ nhiệt có kiểm soát nhờ bùng nổ năng suất công nghệ, kinh tế châu Âu đối mặt với thách thức từ thời tiết cực đoan và Trung Quốc tăng trưởng ở mức vừa phải.

### 1.1. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

**Mỹ:** Tăng trưởng kinh tế quý II/2026 chậm lại ở mức 1,5% (y/y), giảm so với mức 2,1% của quý trước đó. Chỉ số chi tiêu tiêu dùng PCE - thước đo lạm phát ưa thích của Fed - trong tháng 7 tăng 0,2% so với tháng trước và 3,7% so với cùng kỳ. Cục Thống kê Lao động Mỹ (BLS) cũng đã điều chỉnh giảm 79.000 việc làm phi nông nghiệp so với ước tính trước đó. Hoạt động sản xuất thu hẹp (Chỉ số PMI sản xuất của ISM giảm còn 54,6 trong tháng 8 từ mức 55,6 của tháng 7).

**Khu vực EURO:** Lạm phát lõi tháng 8/2026 vọt lên 3,3% so với cùng kỳ (mức cao nhất kể từ tháng 9/2023), bị thúc đẩy bởi lạm phát năng lượng tăng mạnh lên 14,3%. Lạm phát cơ bản giảm nhẹ xuống 2,4%. Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức 6,4% trong tháng 7. Chỉ số PMI sản xuất của S&P Global phục hồi lên 52,7 trong tháng 8, mức cao nhất kể từ tháng 5/2022, nhờ sự cải thiện mạnh tại Đức và Pháp. Tăng trưởng tín dụng khu vực tư nhân đạt 4,1% trong tháng 7, mức cao nhất trong 3 năm.

#### Dự báo tăng trưởng & lạm phát 2026

| Khu vực / Quốc gia  | Dự báo GDP 2026 (%) | Dự báo Lạm phát 2026 (%) |
|---------------------|---------------------|--------------------------|
| <b>Toàn cầu</b>     | 2,9 - 3,0           | 4,0                      |
| <b>Mỹ</b>           | 2,1                 | 3,5                      |
| <b>Khu vực Euro</b> | 0,6                 | 2,9                      |
| <b>Đức</b>          | 0,6                 | 2,8                      |
| <b>Anh</b>          | 1,0                 | 3,2                      |
| <b>Nhật Bản</b>     | 0,6                 | 2,0                      |
| <b>Trung Quốc</b>   | 4,6                 | 1,1                      |

*Nguồn: AllianzGI, Kiel Institute/VNBA tổng hợp*

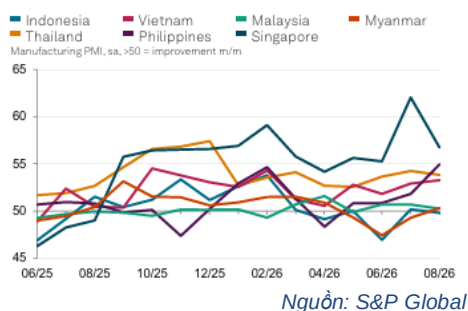
**Trung Quốc:** Lợi nhuận công nghiệp trong 7 tháng đầu năm tăng 17,6% so với cùng kỳ, đạt 4,58 nghìn tỷ CNY. Chi tiêu ngân sách nhà nước tăng 1,3% đạt 16,29 nghìn tỷ CNY. Chỉ số PMI sản xuất (của NBS) tháng 8 cải thiện lên 49,8, tuy vẫn nằm trong vùng suy giảm nhưng đã tốt hơn mức 49,2 của tháng 7. Chỉ số PMI dịch vụ duy trì ở mức 49,0 điểm.

**Nhật Bản:** Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 2,4% trong tháng 7, mức thấp nhất trong 1 năm qua. Lạm phát lõi tại khu vực Tokyo trong tháng 8 tăng tốc lên 1,8%, ghi nhận tháng tăng thứ 3 liên tiếp. Đầu tư vốn doanh nghiệp (Capital spending) quý II tăng 1,6% so với cùng kỳ. Sản lượng công nghiệp tháng 7 tăng 0,1% so với tháng trước, đánh dấu tháng tăng thứ 4 liên tiếp. Chỉ số PMI sản xuất tháng 8 đạt 54,9, cho thấy sự mở rộng vững chắc.

**Khu vực ASEAN:** Malaysia ghi nhận mức tăng trưởng GDP quý II/2026 đạt 6,0% so với cùng kỳ, gia tốc từ mức 5,4% của quý I/2026, nhờ tiêu dùng hộ gia đình và chu kỳ đầu tư công nghệ.

Singapore đạt tăng trưởng 5,9% trong quý II nhờ nhu cầu xuất khẩu hàng điện tử tăng vọt 112% trong tháng 7. Tại Indonesia, lạm phát duy trì ở mức kiểm soát 2,9%. Thái Lan tiếp tục đối mặt với áp lực khi GDP quý II/2026 chỉ tăng 1,9% do xuất khẩu ròng sụt giảm. Dòng vốn FDI giải ngân và đăng ký vào Việt Nam ghi nhận sự cải thiện tích cực, góp phần neo giữ tỷ giá ổn định bất chấp thâm hụt thương mại mở rộng.

**PMI sản xuất ASEAN, tháng 8/2026**



Chỉ số PMI sản xuất toàn khu vực ASEAN của S&P Global giảm nhẹ xuống 52,3 trong tháng 8 năm 2026 so với 52,8 trong tháng 7, cho thấy tốc độ tăng trưởng của ngành sản xuất trong khu vực có phần chậm lại nhưng vẫn ổn định. Tăng trưởng sản lượng chậm lại một chút, nhưng đơn đặt hàng mới vẫn mạnh mẽ.

Niềm tin vào sản lượng tương lai đạt mức cao nhất trong gần bốn năm. Việc làm và lượng hàng tồn kho giảm nhẹ, trong khi áp lực lạm phát chỉ phỉ giảm bớt.

## 1.2. Diễn biến thương mại toàn cầu

Số liệu cập nhật từ OECD công bố tháng 8/2026 phản ánh kịp thời những tác động của đợt áp thuế quan mới và biến động địa chính trị:

*Thương mại hàng hóa suy giảm tốc độ:* Sau quý I tăng trưởng đột biến (nhờ tâm lý "chạy đua" nhập khẩu trước hạn áp thuế quan mới của Mỹ), thương mại hàng hóa thực tế thuộc nhóm G20 và OECD đã bắt đầu hạ nhiệt rõ rệt trong quý II và tháng đầu quý III/2026. Nhu cầu tiêu dùng suy yếu tại Mỹ và EU do lạm phát dai dẳng.

**Thương mại quốc tế G20 (Q2/2025-Q2/2026)**



Nguồn: G20

*Mỹ & Châu Âu gánh áp lực lớn:* Xuất khẩu hàng hóa của các nền kinh tế phát triển chững lại. Việc Mỹ chính thức kích hoạt hàng rào thuế quan 301/338 từ cuối tháng 7/2026 đã khiến dòng chảy hàng hóa vào Mỹ bị thắt chặt trong tháng 8.

*Thương mại dịch vụ duy trì trụ cột:* Trái ngược với hàng hóa, xuất nhập khẩu dịch vụ (đặc biệt là dịch vụ kỹ thuật số, tài chính, du lịch và vận tải) vẫn duy trì đà tăng trưởng nhẹ, giúp xoa dịu đà suy giảm chung của thương mại toàn cầu.

Tháng 8/2026 đánh dấu giai đoạn các quốc gia bắt đầu thực thi các biện pháp đáp trả sau khi đợt thuế quan 10-12,5% của Mỹ có hiệu lực từ ngày 24/7/2026:

*Bảo hộ lan rộng:* Việc Mỹ đánh thuế 50% lên hàng hóa Canada và 25% lên Brazil khiến Canada áp dụng các mức thuế đối ứng lên ô tô và nông sản Mỹ, tạo thành chuỗi xung đột thương mại ăn miếng trả miếng. Dữ liệu cũng cho thấy các biện pháp phi thuế quan (tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm soát xuất khẩu khoáng sản, trợ cấp nội địa) gia tăng mạnh ở các nước đang phát triển nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước lượng hàng hóa giá rẻ bị "đội ngược" từ các nước bị Mỹ áp thuế cao.

Trong nửa đầu năm 2026, thương mại tăng trưởng nhờ hoạt động tích trữ hàng hóa (front-loading). Bước sang quý III, đặc biệt là từ tháng 8/2026, thị trường bắt đầu đi vào giai đoạn "ngầm" tác động thực sự của đợt thuế quan mới. Khối lượng thực của thương mại hàng hóa toàn cầu dự kiến sẽ sụt giảm trong Quý III và Quý IV/2026.

### 1.3. Thị trường hàng hóa

*Thị trường hàng hóa toàn cầu trong tháng 8/2026 tiếp tục duy trì đà tăng giá mạnh mẽ, là nhóm tài sản có hiệu suất vượt trội nhất kể từ đầu năm. Sự phục hồi đồng loạt từ năng lượng, nông sản cho đến kim loại quý phản ánh áp lực chuỗi cung ứng kéo dài, rủi ro địa chính trị và kỳ vọng nới lỏng chính sách tiền tệ.*

*Giá vàng thế giới trong tháng 8/2026 ghi nhận đà tăng trưởng mạnh. Vàng tiếp tục là vịnh tránh bão an toàn và kênh phòng hộ lạm phát hàng đầu. Giá vàng giao ngay duy trì đà tăng phi mã, vượt mốc 4.300 USD/ounce vào đầu tháng và khép lại ngày 31/08/2026 ở mức kỷ lục 4.457,22 USD/ounce.*

Lực cầu đối với vàng được củng cố bởi sự không chắc chắn về chính sách của Fed, sự sụt giảm ở các kỳ hạn dài trên thị trường Trái phiếu Kho bạc Mỹ và nhu cầu mua gom từ các Ngân hàng Trung ương để đa dạng hóa dự trữ.

**Diễn biến giá dầu thế giới (8/2026)**



*Thị trường năng lượng ghi nhận các đợt tăng giá mạnh vào nửa cuối tháng 8. Dầu thô Brent tăng giá trong các phiên liên tiếp do căng thẳng Mỹ-Iran leo thang, đe dọa trực tiếp đến dòng chảy năng lượng. Đáng chú ý, giá khí tự nhiên TTF tại châu Âu đã vọt tăng 20% trong tháng 8 (lũy kế tăng 73% kể từ cuối tháng 6) do nguồn cung qua eo biển Hormuz bị ảnh hưởng và mức dự trữ khí đốt của châu Âu đang ở mức rất thấp.*

*Thị trường lương thực: Giá lương thực tăng cao trở lại. Chỉ số Giá Lương thực của FAO đạt trung bình 133,3 điểm trong tháng 8/2026, tăng 1,9% so với tháng 7 và tăng 2,5% so với cùng kỳ*

*năm trước. Đây là tháng tăng thứ hai liên tiếp, đưa chỉ số giá lương thực toàn cầu lên mức cao nhất kể từ cuối năm 2023.*

Sự gia tăng đồng loạt từ giá đường, lúa mì và ngô do ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt (El Niño/La Niña chuyển tiếp) gây gián đoạn sản lượng tại các vùng trồng trọt cốt lõi.

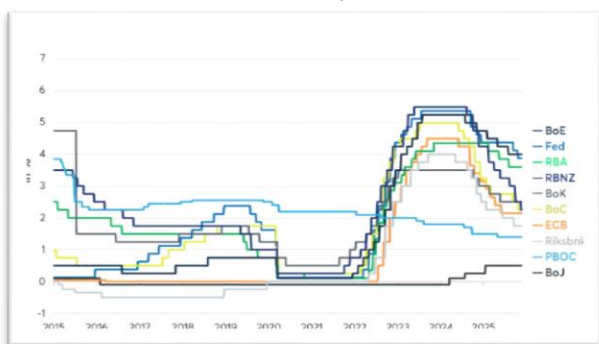
#### 1.4. Động thái chính sách tiền tệ của các NHTW lớn

Tháng 8/2026 đánh dấu một bước ngoặt trong điều hành của các Ngân hàng Trung ương (NHTW) lớn trên thế giới. Từ Hội nghị thường niên Jackson Hole cho đến những động thái độc lập của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC), bức tranh vĩ mô tài chính không chỉ dừng lại ở bài toán "chống lạm phát" mà đã mở rộng sang rủi ro nợ công và an ninh tiền tệ quốc gia.

**Mỹ:** Cục Dự trữ Liên bang (Fed) giữ nguyên lãi suất ở mức 3,50%–3,75% trong cuộc họp tháng 7/2026. Tại hội nghị Jackson Hole (tháng 8/2026), Chủ tịch Fed Kevin Warsh đã phát tín hiệu điều hòa, cảnh báo rủi ro lạm phát và ám chỉ khả năng có một đợt tăng lãi suất 25 điểm cơ bản (bps) vào tháng 9 (hiện xác suất thị trường định giá trên 60%).

**EU:** Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) giữ nguyên lãi suất tiền gửi ở mức 2,25% trong tháng 8/2026 sau đợt điều chỉnh tăng trước đó 2 tháng. Tuy nhiên, áp lực lạm phát năng lượng khiến thị trường định giá gần như chắc chắn một đợt tăng lãi suất trong tháng 9 này.

Lãi suất chính sách một số NHTW lớn



Nguồn: Financial Times

**Trung Quốc:** Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (LPR) kỳ hạn 1 năm ở mức 3,0% và kỳ hạn 5 năm ở mức 3,5%. PBoC cũng bơm 500 tỷ CNY thông qua cơ sở cho vay trung hạn (MLF) kỳ hạn 1 năm vào cuối tháng 8 để đảm bảo thanh khoản.

Dữ liệu của PBoC cho thấy dự trữ ngoại hối của Trung Quốc tăng cao hơn dự kiến, đạt 3,438 nghìn tỷ USD trong tháng 8/2026 do đồng USD suy yếu.

**Nhật Bản:** Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) giữ nguyên lãi suất ở mức 1,00%. Thị trường đang định giá 87% khả năng BOJ sẽ tăng lãi suất 25 điểm cơ bản lên 1,25% vào cuộc họp tháng 9 tới.

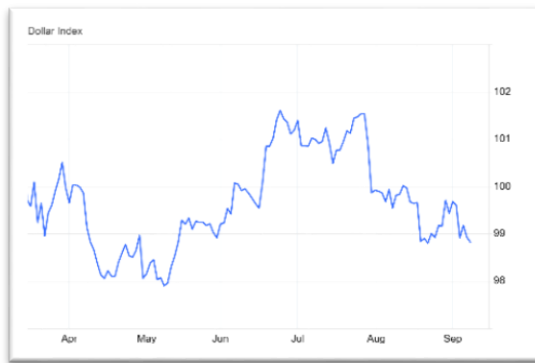
Trong tháng 8/2026, BOJ đã thực hiện đợt can thiệp tỷ giá kỷ lục khi chi 15,4 nghìn tỷ Yên (tương đương 98,66 tỷ USD) để bảo vệ đồng Yên. Đáng chú ý là cuộc can thiệp phối hợp lịch sử với Mỹ vào ngày 1/8/2026, trong đó phía Mỹ bán EURO để mua Yên, đánh dấu hành động phối hợp đầu tiên giữa hai quốc gia kể từ năm 2011.

Có thể nói các NHTW lớn đang phải đối mặt với sức ép khổng lồ từ nợ công tăng kỷ lục trong khi mất bằng lãi suất duy trì ở mức cao mà chi phí trả nợ của chính phủ vẫn tiếp tục gia tăng. Rủi ro hiện hữu là các NHTW có thể bị buộc phải bơm tiền hoặc phải duy trì lợi suất trái phiếu thấp một cách khiên cưỡng để cân bằng ngân sách. Điều này đe dọa trực tiếp đến tính độc lập và nỗ lực kiểm soát lạm phát.

#### 1.5. Thị trường tài chính toàn cầu

Những diễn biến nổi bật nhất của thị trường tài chính toàn cầu trong tháng 8/2026 là xu hướng đồng loạt tăng của lợi suất trái phiếu chính phủ toàn cầu (lợi suất trái phiếu toàn cầu lên 3,8% - cao nhất từ năm 2007) dưới áp lực từ tín hiệu "điều hòa" của Fed tại hội nghị Jackson Hole, kéo theo sự rung lắc của nhiều thị trường chứng khoán và những biến động mạnh trên thị trường tiền tệ (như sự bứt phá của đồng Yên Nhật và chênh lệch lợi suất kỷ lục giữa các nền kinh tế lớn).

### DXY có xu thế giảm



Nguồn: Tradingeconomics

### Thị trường tiền tệ

Chỉ số đồng USD (DXY) đã giảm 0,5% trong tháng 8/2026, đánh dấu tháng giảm thứ hai liên tiếp do Bộ Tài chính Mỹ công bố chương trình mua lại trái phiếu. Tuy nhiên, sang những ngày cuối tháng 8 và đầu tháng 9/2026, DXY đã phục hồi vượt mức 99,7 nhờ kỳ vọng Fed tăng lãi suất.

Tỷ giá USD/JPY duy trì quanh mức 160,03; EUR/USD đạt 1,1598; trong khi đồng Nhân dân tệ (CNY) giao dịch ở mức 6,7272 đổi 1 USD.

Tại nhóm thị trường mới nổi (EM), các đồng tiền chịu áp lực phân hóa, trong đó đồng Peso Argentina (ARS) và Real Brazil (BRL) suy yếu, còn đồng Ringgit Malaysia (MYR) và Baht Thái (THB) ghi nhận sự phục hồi nhẹ.

### Thị trường trái phiếu:

Thị trường trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm toàn cầu trong tháng 8/2026 đối diện áp lực bán tháo diện rộng đẩy lợi suất (yield) lên các mức cao trong nhiều thập niên, tiêu biểu như lợi suất 10 năm tại Mỹ dao động vùng 4,75% – 4,81%, Nhật Bản tiệm cận mốc 3% (mức cao nhất trong 30 năm), và Đức lên mức cao nhất kể từ năm 2011.

Lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm đã tiến sát mốc 4,8% (mức cao nhất kể từ tháng 10/2023) dưới tác động của giá dầu và nguồn cung trái phiếu doanh nghiệp.

Lợi suất trái phiếu Nhật Bản kỳ hạn 10 năm vượt ngưỡng 3% lần đầu tiên kể từ năm 1996 do áp lực lạm phát và dự báo BOJ thắt chặt. Ngược lại, tại Trung Quốc, lợi suất trái phiếu 10 năm duy trì ở mức thấp kỷ lục 1,68% - 1,70%.

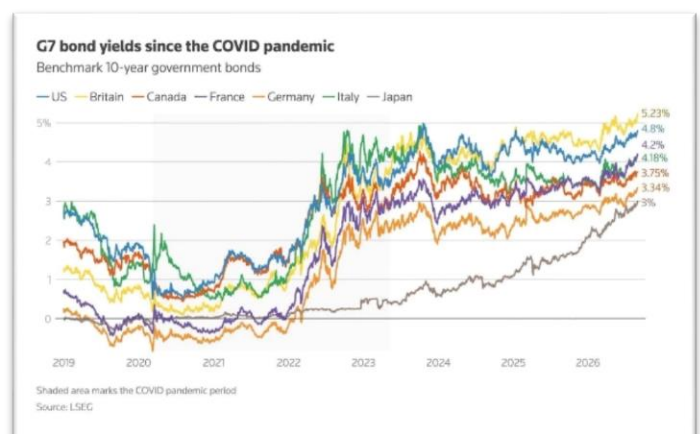
### Thị trường cổ phiếu:

#### Biến động giá các thị trường chứng khoán

| Equities                   | 1 Month | YTD   | 1 Year |
|----------------------------|---------|-------|--------|
| MSCI World                 | 2.6%    | 13.4% | 20.9%  |
| MSCI World ex US           | 2.2%    | 14.4% | 23.1%  |
| S&P 500                    | 2.7%    | 13.1% | 20.3%  |
| S&P 500 Equal-Weight       | 2.1%    | 15.6% | 18.5%  |
| Nasdaq Composite           | 4.0%    | 13.9% | 23.6%  |
| Russell 2000               | 1.0%    | 20.2% | 26.6%  |
| Russell 1000 Growth        | 3.7%    | 4.1%  | 10.8%  |
| Russell 1000 Value         | 2.0%    | 23.1% | 29.7%  |
| Russell 2500 Growth        | 1.4%    | 11.9% | 15.4%  |
| Russell 2500 Value         | 1.0%    | 25.6% | 30.9%  |
| MSCI Europe ex UK          | 1.5%    | 11.5% | 20.8%  |
| MSCI United Kingdom        | 0.6%    | 12.6% | 22.1%  |
| FTSE All Share             | 1.2%    | 12.6% | 21.5%  |
| STOXX Europe 600           | 1.4%    | 11.8% | 21.3%  |
| TOPIX                      | 3.6%    | 20.8% | 27.3%  |
| Nikkei 225                 | 2.9%    | 30.1% | 45.3%  |
| MSCI Asia Pacific ex Japan | 3.2%    | 25.2% | 37.3%  |
| S&P/ASX 200                | 3.7%    | 14.9% | 15.4%  |
| MSCI Emerging Markets      | 3.4%    | 24.3% | 39.7%  |

Nguồn: CNBC

### Lợi suất trái phiếu G7 từ giai đoạn Covid



Nguồn: Reuters

Chứng khoán Mỹ chứng kiến đợt bán tháo vào cuối tháng 8. Chỉ số S&P 500 giảm 0,7%, Dow Jones mất 419 điểm, và Nasdaq 100 giảm 1,3% khi điều kiện tài chính thắt chặt và cổ phiếu công nghệ (Nvidia, Dell, Oracle) chịu áp lực. Tại châu Á, chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản có thời điểm sụt giảm 2,5% xuống dưới 64.600 điểm.

Chứng khoán Trung Quốc giao dịch giằng co (Shanghai Composite chót quanh 3.952 điểm) do lo ngại từ các lệnh trừng phạt tài chính tiềm tàng từ phía Mỹ. Tại châu Âu, Euro STOXX 50 giảm 0,9%.

## 1.6. Một số rủi ro chính sách và khuyến nghị

### *Rủi ro địa chính trị*

Các xung đột địa chính trị đang làm tổn hao nguồn lực kinh tế toàn cầu. Cuộc chiến Mỹ-Iran khiến chuỗi xuất khẩu năng lượng tại Vùng Vịnh bị gián đoạn và đe dọa các điểm nghẽn hàng hải chiến lược. Tại chiến trường Nga-Ukraine, các cuộc tấn công ngày càng sâu vào lãnh thổ của nhau thông qua máy bay không người lái, nhắm trực tiếp vào các cơ sở hạ tầng năng lượng và xuất khẩu.

Căng thẳng cạnh tranh kinh tế Mỹ-Trung Quốc tiếp tục gay gắt, đặc biệt là trong lĩnh vực AI, năng lượng và kiểm soát khoáng sản đất hiếm, đi kèm với các rào cản thuế quan mới.

### *Rủi ro về biến động chính sách kinh tế, tài chính của các nền kinh tế lớn*

Hội đồng Ổn định tài chính toàn cầu (FSB) đã cảnh báo về các rủi ro hệ thống, bao gồm:

- Đòn bẩy tài chính tập trung cao trong lĩnh vực nợ tư nhân, các quỹ ETF và nhóm doanh nghiệp AI.
- Rủi ro an ninh mạng liên quan đến mô hình AI mới nhất (có khả năng làm thay đổi tốc độ và quy mô của các cuộc tấn công mạng nhằm vào hệ thống tài chính liên kết toàn cầu).
- Gánh nặng nợ công và nợ tư nhân đang ngày một tồi tệ hơn, đe dọa kim hãm chi tiêu của doanh nghiệp và người tiêu dùng, đẩy một số nền kinh tế lớn vào ngưỡng không bền vững.

### *Rủi ro và biến động giá cả hàng hóa cơ bản*

Bất kỳ sự bùng phát nào tại eo biển Hormuz đều có khả năng đẩy giá dầu và khí đốt lên các mức cao mới, từ đó trực tiếp kéo lạm phát toàn cầu đi lên và bào mòn sức mua. Sự phụ thuộc vào đà tăng của giá vàng cũng phản ánh trạng thái e ngại rủi ro của dòng vốn toàn cầu.

## Một số khuyến nghị dành cho các nền kinh tế mới nổi

*Chủ động củng cố thanh khoản ngoại tệ và dự trữ ngoại hối:* Đối mặt với kịch bản các Ngân hàng Trung ương lớn (Fed, ECB, BoJ) có khả năng thực hiện thêm các đợt tăng lãi suất để đối phó lạm phát năng lượng, các nền kinh tế mới nổi cần tăng cường dự trữ ngoại hối để can thiệp kịp thời, hạn chế sự biến động quá mức của tỷ giá.

*Thận trọng với rủi ro lạm phát chi phí đẩy:* Sự gia tăng của giá dầu, khí đốt tự nhiên và chi phí vận tải hàng hải yêu cầu các chính phủ phải có kịch bản điều hành giá linh hoạt. Cần ưu tiên các công cụ trợ cấp mục tiêu (targeted subsidies) thay vì nới lỏng tiền tệ trên diện rộng để tránh tạo ra lạm phát kỳ vọng.

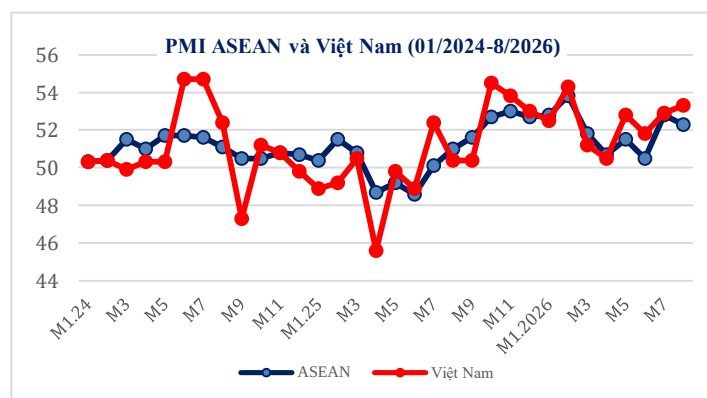
*Tăng cường quản trị rủi ro nợ và đòn bẩy tài chính:* Theo dõi chặt chẽ dòng vốn ngoại và sự phụ thuộc vào nợ ngoại tệ. Cần chuẩn bị các kịch bản stress-test đối với hệ thống ngân hàng trong bối cảnh lợi suất trái phiếu toàn cầu tăng cao và rủi ro an ninh mạng từ AI ngày càng hiện hữu.

*Tận dụng chu kỳ đầu tư công nghệ:* Mở rộng các ưu đãi nhằm thu hút dòng vốn FDI đang dịch chuyển khỏi Trung Quốc, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất điện tử và trung tâm dữ liệu AI, qua đó cải thiện cán cân vãng lai trong trung và dài hạn./

## II. KINH TẾ - TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

### 2.1. Những điểm nổi bật về kinh tế vĩ mô tháng 8/2026

Kinh tế vĩ mô trong nước tháng 8/2026 tiếp tục ghi nhận đà phục hồi, thể hiện qua sự bứt phá của cả khu vực sản xuất và thương mại quốc tế.

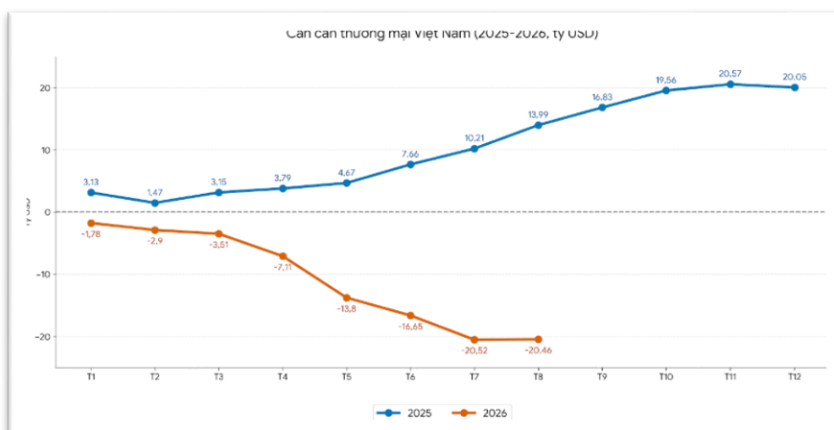


Nguồn: S&P Global

**Sản xuất công nghiệp:** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 8 ước tăng 1,5% so với tháng trước (m/m) và tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước (y/y). Tính chung 8 tháng đầu năm (ytd), IIP tăng 11,9% y/y, ghi nhận mức *tăng cao nhất* của kỳ 8 tháng đầu năm trong nhiều năm qua.

PMI ngành sản xuất đạt 53,3 điểm, tăng so với mức 52,9 điểm của tháng 7. Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều ghi nhận mức *tăng* với *tốc độ nhanh nhất* trong hơn hai năm qua.

**Ngoại thương:** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2026 đạt 109,7 tỷ USD, giảm 0,1% so với tháng trước và tăng 31,7% y/y. Lũy kế tám tháng năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 770,14 tỷ USD - mức *cao nhất của tám tháng từ trước đến nay*, tăng 28,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó xuất khẩu tăng 22,4%; nhập khẩu tăng 35,3% . Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 20,46 tỷ USD, *có xu thế thu hẹp*.



Nguồn: NSO; VNBA tổng hợp

| MỘT SỐ CHỈ TIÊU THÔNG KÊ THÁNG 8/2026 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC (%) |       |       |       |       |       |       |       |       |
|--------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|                                                                    | T1    | T2    | T3    | T4    | T5    | T6    | T7    | T8    |
| Chỉ số sản xuất công nghiệp                                        | 21,5% | 0,6%  | 7,2%  | 9,9%  | 8,8%  | 12,7% | 14,5% | 14,4% |
| Khách quốc tế đến Việt Nam                                         | 18,5% | 17,7% | 1,3%  | 22,8% | 16,5% | 14,7% | 6,6%  | 18,4% |
| Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ                                | 9,3%  | 8,5%  | 12,1% | 12,1% | 11,8% | 14,8% | 14,5% | 14,9% |
| Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN                                 | 19,3% | 0,4%  | 10,9% | 8,2%  | 10,2% | 13,9% | 25,9% | 24,1% |
| Chỉ số giá tiêu dùng                                               | 2,53% | 3,35% | 4,65% | 5,46% | 5,60% | 4,69% | 4,45% | 4,89% |
| Lạm phát cơ bản                                                    | 3,19% | 3,74% | 3,96% | 4,66% | 4,67% | 4,50% | 4,63% | 4,55% |

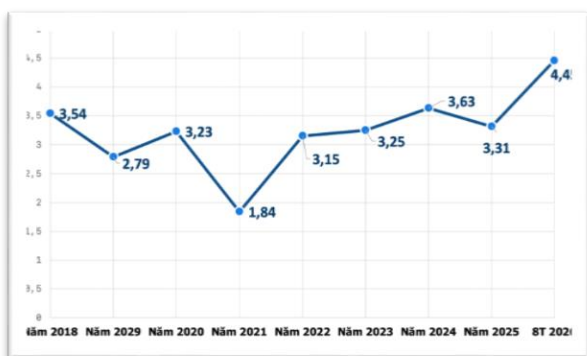
Nguồn: nso.gov.vn

**Lạm phát:** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8 tăng 0,47% m/m, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng theo diễn biến nhiên liệu thế giới. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 8/2026 tăng 4,89%. Bình quân 8 tháng năm 2026, CPI tăng 4,45% y/y và lạm phát cơ bản tăng 4,24% y/y.

## 2.2 Một số khó khăn, thách thức

Mặc dù duy trì được đà phục hồi, nền kinh tế Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2026 vẫn đối mặt với một số khó khăn và thách thức cần giải quyết.

Lạm phát giai đoạn (2018 - 8/2026)

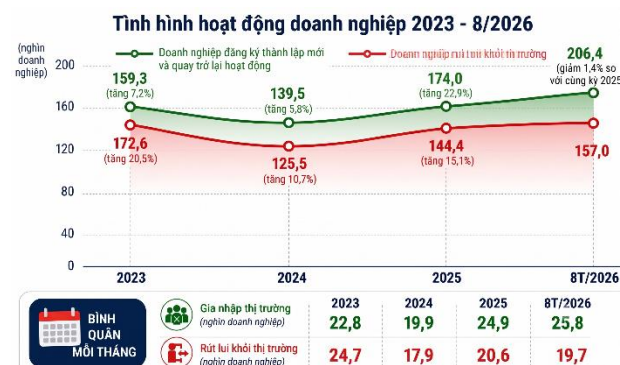


Nguồn: nso.gov.vn

Áp lực đến từ xu hướng lạm phát khi chỉ số CPI bình quân 8 tháng tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước, tiệm cận mức giới hạn mục tiêu kiểm soát của cả năm.

Lạm phát cơ bản cũng neo ở mức khá cao là 4,24% cho thấy áp lực tăng giá có tính chất lan tỏa sang các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng nội địa, làm thu hẹp đáng kể dư địa điều hành của chính sách tiền tệ.

Về kinh tế đối ngoại, giá nguyên liệu và chi phí vận tải quốc tế tăng cao đã thúc đẩy kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh 35,3% (đạt 395,3 tỷ USD), tốc độ này vượt trội so với mức tăng 22,4% của kim ngạch xuất khẩu, dẫn đến tình trạng nhập siêu 20,46 tỷ USD. Sản xuất công nghiệp bứt phá mạnh (IIP tăng 14,4%) đòi hỏi một lượng lớn nguyên liệu đầu vào từ nước ngoài, đồng thời chi phí vận tải biển và giá nguyên liệu thế giới biến động theo chiều hướng tăng, giá trị nhập khẩu của Việt Nam bị đẩy lên tương ứng, tạo nên mức chênh lệch lớn so với kim ngạch xuất khẩu vốn chỉ tăng 22,4%. Trong đó, trên 93% tổng giá trị nhập khẩu tập trung vào nhóm hàng tư liệu sản xuất nhưng khu vực kinh tế trong nước tiếp tục ghi nhận mức nhập siêu lớn, phản ánh tính phụ thuộc nguyên liệu của khối doanh nghiệp nội địa cao hơn khối có vốn đầu tư nước ngoài. Diễn biến này không chỉ làm gia tăng nhu cầu ngoại tệ, tạo áp lực lên tỷ giá mà còn phản ánh sự phụ thuộc lớn của ngành sản xuất trong nước vào nguồn cung ứng bên ngoài.



Nguồn: NSO, VNBA tổng hợp

Sự gia tăng chi phí đầu vào cùng các biến động thị trường đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định của khối tư nhân, thể hiện qua việc bình quân mỗi tháng có khoảng 19,7 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Riêng trong tháng 8/2026, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể đạt 9.631 doanh nghiệp, tăng 33,6% so với tháng trước và tăng tới 151,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Bên cạnh đó, số lượng doanh nghiệp quay trở lại hoạt động đạt 68,3 nghìn, giảm 15,8% so với cùng kỳ, cho thấy rào cản tái gia nhập thị trường đối với các doanh nghiệp cũ là tương đối lớn. Sự sàng lọc diễn ra gay gắt nhất ở các lĩnh vực thâm dụng lao động và có chi phí logistics biến động mạnh (Bán buôn, bán lẻ; Sửa chữa ô tô, xe máy; Chế biến, chế tạo; và Xây dựng...). Khó khăn về dòng tiền và chi phí vận hành tăng cao là nguyên nhân cốt lõi.

Bên cạnh đó, tiến độ hấp thụ vốn đầu tư công dù có chuyển biến nhưng khối lượng công việc cần hoàn thành trong các tháng cuối năm còn rất lớn (Trong 8 tháng đầu năm, giải ngân đầu tư công của cả nước ước đạt khoảng gần 50% của kế hoạch đầu tư công 2026 là trên 1,02 triệu tỷ đồng).

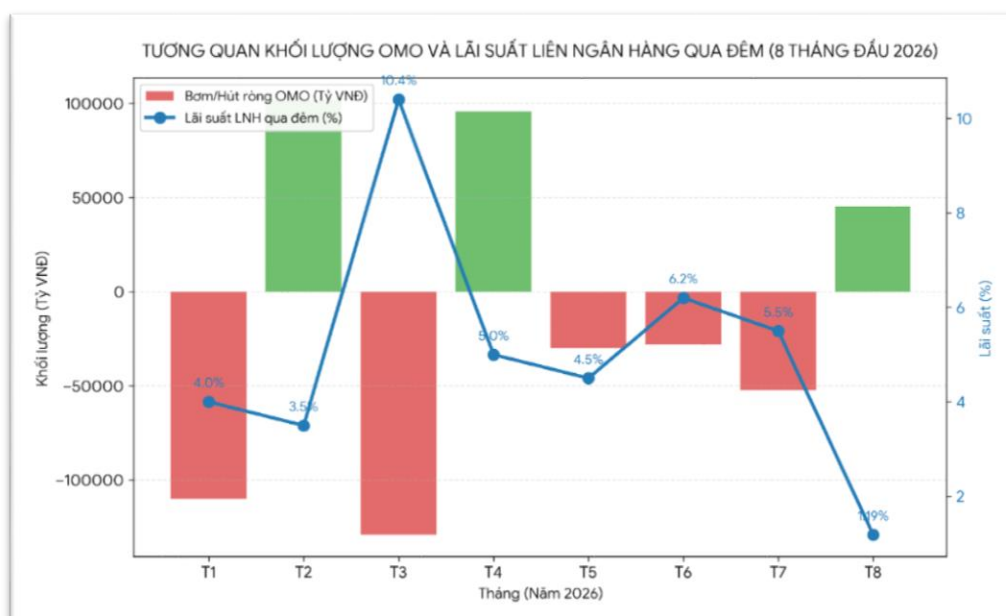
Các cân đối vĩ mô đang chịu nhiều áp lực, đòi hỏi chính sách điều hành phải có sự linh hoạt và phối hợp chặt chẽ hơn trong các tháng cuối năm 2026.

### 2.3. Thị trường tiền tệ

Trọng tâm điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong 8 tháng đầu năm 2026 nhất quán theo hướng "linh hoạt, thận trọng và chủ động" nhằm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô trước sức ép kép từ lạm phát và tỷ giá.

Đến 22/8/2026, tăng trưởng huy động vốn bằng VND đã đạt 8,77% so với đầu năm, chính thức vượt qua mức tăng trưởng tín dụng là 8,38% (theo Báo cáo của Bộ Tài chính). Sự gia tăng mạnh mẽ của nguồn vốn huy động đã giúp thanh khoản ngắn hạn của hệ thống ngân hàng cải thiện, tạo điều kiện giảm bớt áp lực thu hút tiền gửi và được kỳ vọng sẽ hỗ trợ hạ nhiệt mặt bằng lãi suất trong thời gian tới.

Trên thị trường liên ngân hàng (LNH), các động thái bơm/hút ròng trên thị trường mở (OMO) của NHNN biến động mạnh qua từng tuần trong tháng, phản ánh trạng thái thanh khoản liên tục thay đổi của các ngân hàng thương mại. Sau 2 tuần hút ròng giữa tháng, đến tuần cuối tháng 8, NHNN bắt ngờ đảo chiều bơm ròng kỷ lục gần 54.900 tỷ đồng.



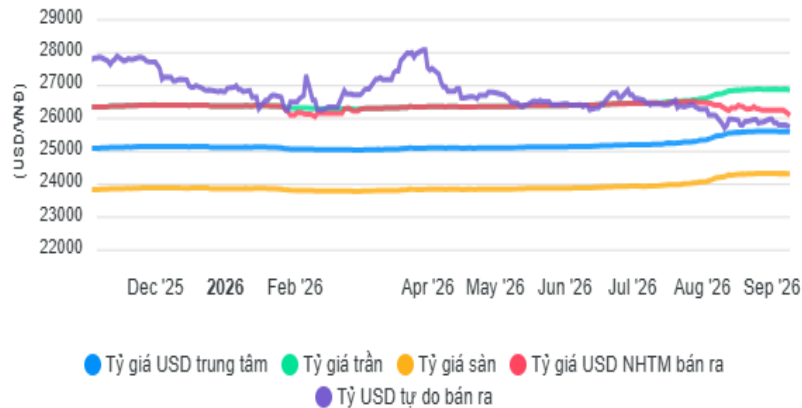
Nguồn: NHNN, VNBA tổng hợp

Đáng chú ý, NHNN đã bơm mới khối lượng lên tới 86.346 tỷ đồng với các kỳ hạn kéo dài từ 14 đến 91 ngày. Kết quả là mặt bằng lãi suất LNH qua đêm có thời điểm hạ nhiệt sâu, giảm từ mức xấp xỉ 4% đầu tuần xuống chỉ còn 1,19% vào ngày 27/8 trước khi biến động trở lại trong giai đoạn chuyển giao sang tháng 9/2026.

Về ngoại hối, tỷ giá trung tâm ngày 28/8/2026 được NHNN niêm yết ở mức 25.610 VND/USD, tăng 10 đồng so với cuối tuần trước đó và neo ở mức cao hơn so với mức 25.131 VND/USD hồi đầu năm (tăng khoảng 1,9% ytd - trong biên độ kiểm soát mục tiêu dưới 3–4%/năm). Tỷ giá giao dịch LNH diễn biến theo xu hướng giảm, đóng cửa phiên 28/8 tại 26.075 VND/USD.

Trên thị trường tự do, tỷ giá cuối tháng 8 dao động quanh mức 26.011 - 26.111 VND/USD, thu hẹp biên độ tăng trong bối cảnh chỉ số DXY bình quân trên thị trường quốc tế tháng 8 đã giảm 1,17 điểm so với tháng 7/2026, xuống còn 99,65 điểm.

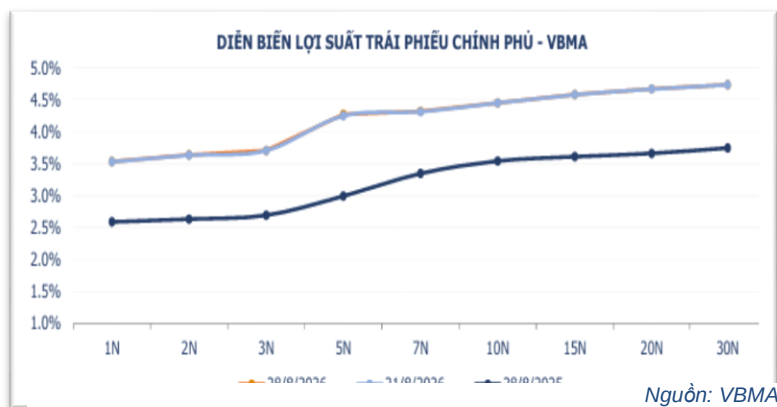
Diễn biến tỷ giá 8 tháng đầu năm 2026



Nguồn: Widata

thái chính sách của Fed, dao động của DXY và nhu cầu ngoại tệ mùa vụ cuối năm (tình hình nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc phục vụ đơn hàng xuất khẩu quý 4 và thanh toán nghĩa vụ nợ nước ngoài thường tạo ra lực cầu ngoại tệ đột biến vào những tháng cuối năm)...

## 2.4. Thị trường trái phiếu, cổ phiếu



Lãi suất trúng thầu TPCP kỳ hạn 5 năm là 4,25% và kỳ hạn 10 năm là 4,41%, đều nhích nhẹ 0,01 điểm phần trăm so với phiên đấu thầu liền trước.

Về Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN), tháng 8/2026 ghi nhận 33 đợt phát hành mới với tổng khối lượng đạt 32.029 tỷ đồng, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực ngân hàng, bất động sản và chứng khoán.

Lũy kế 8 tháng đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 348.980 tỷ đồng, trong đó nhóm ngân hàng dẫn đầu với 47,1%, theo sau là nhóm bất động sản chiếm 28,3%.

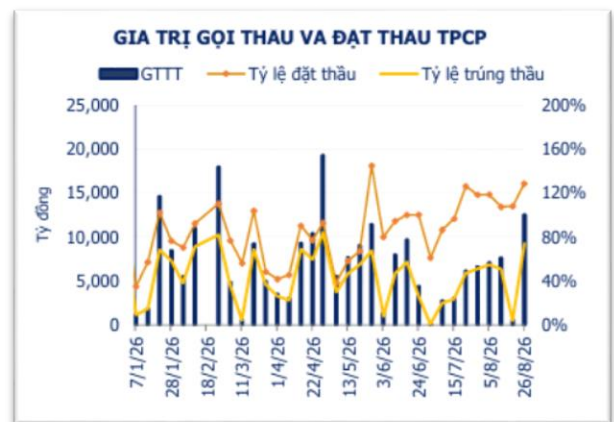
Diễn biến tỷ giá trung tâm tăng nhẹ nhưng tỷ giá liên ngân hàng lại giảm cho thấy chính sách điều hành đang phát huy hiệu quả khi vừa đảm bảo: (i) Tỷ giá phản ánh đúng mặt bằng cung - cầu thị trường mà không tổn quá nhiều dự trữ ngoại hối để can thiệp; lại góp phần (ii) Tăng dư địa cho mức trần tỷ giá, hỗ trợ các tổ chức tín dụng chủ động giao dịch và tránh tình trạng tỷ giá chạm trần biên độ  $\pm 5\%$ .

Giai đoạn căng thẳng nhất của tỷ giá trong năm 2026 đã tạm thời lắng xuống, tuy vậy vẫn cần theo dõi sát những động

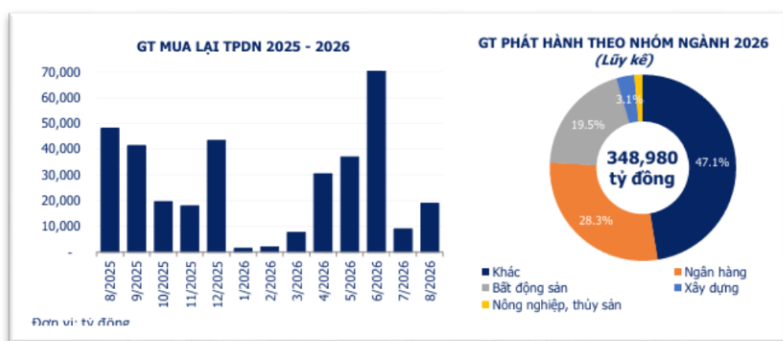
### Thị trường trái phiếu

Về Trái phiếu Chính phủ (TPCP), Kho bạc Nhà nước (KBNN) tiếp tục duy trì tiến độ gọi thầu linh hoạt. Lũy kế đến ngày 26/8/2026, KBNN đã huy động được 228.921 tỷ đồng, hoàn thành 45,8% kế hoạch phát hành 500.000 tỷ đồng cả năm.

Trong phiên đấu thầu ngày 26/8/2026, KBNN huy động thành công 12.507 tỷ đồng trên tổng số 17.000 tỷ đồng gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu 73,6%.



Nguồn: VBMA



Nguồn: VBMA

Các doanh nghiệp đã tiến hành mua lại 18.914 tỷ đồng TPDN trước hạn trong tháng 8, nâng tổng khối lượng mua lại lũy kế 8 tháng lên 199.172 tỷ đồng.

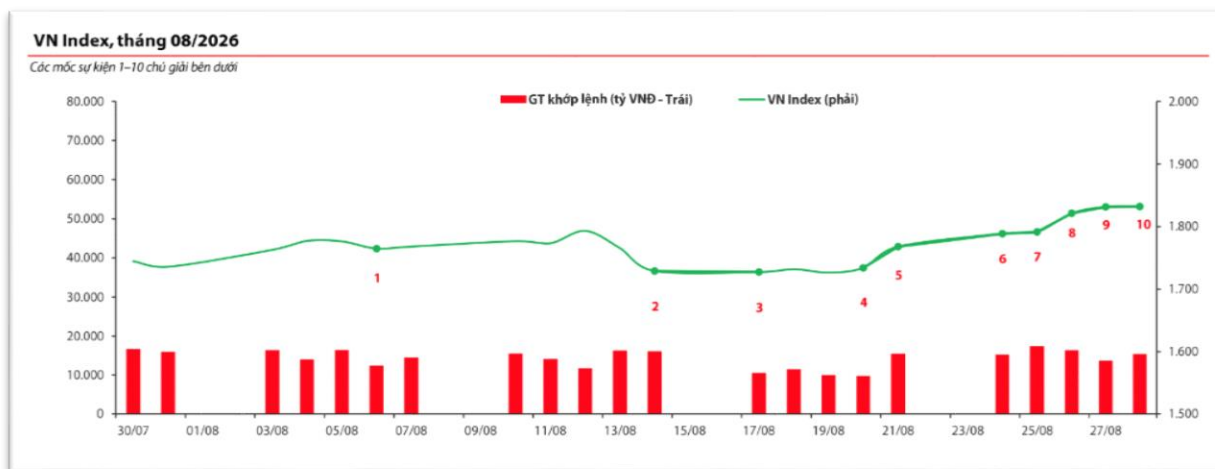
### Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán (TTCK) trải qua các nhịp điều chỉnh xen kẽ trong tháng 8/2026 nhưng ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ vào tuần cuối tháng. Chốt phiên giao

dịch ngày 28/08/2026, VN-Index đạt mức 1.832,12 điểm, tăng 3,62% so với tuần trước đó.

So sánh với số liệu chốt phiên 31/7/2026 là 1.735,78 điểm, VN-Index đã bứt phá ấn tượng trong tháng 8, mặc dù vẫn còn khoảng cách so với đỉnh 1.867,90 điểm được thiết lập vào đầu năm (ngày 09/01/2026).

Thanh khoản thị trường cải thiện tích cực, bình quân trên 16.500 tỷ đồng/phiên trong tuần cuối tháng 8.



Nguồn: HOSE

Khối ngoại giao dịch với xu hướng giằng co nhưng thiên về bán ròng nhẹ, ghi nhận mức bán ròng gần 40 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong tuần giao dịch cuối tháng 8/2026.

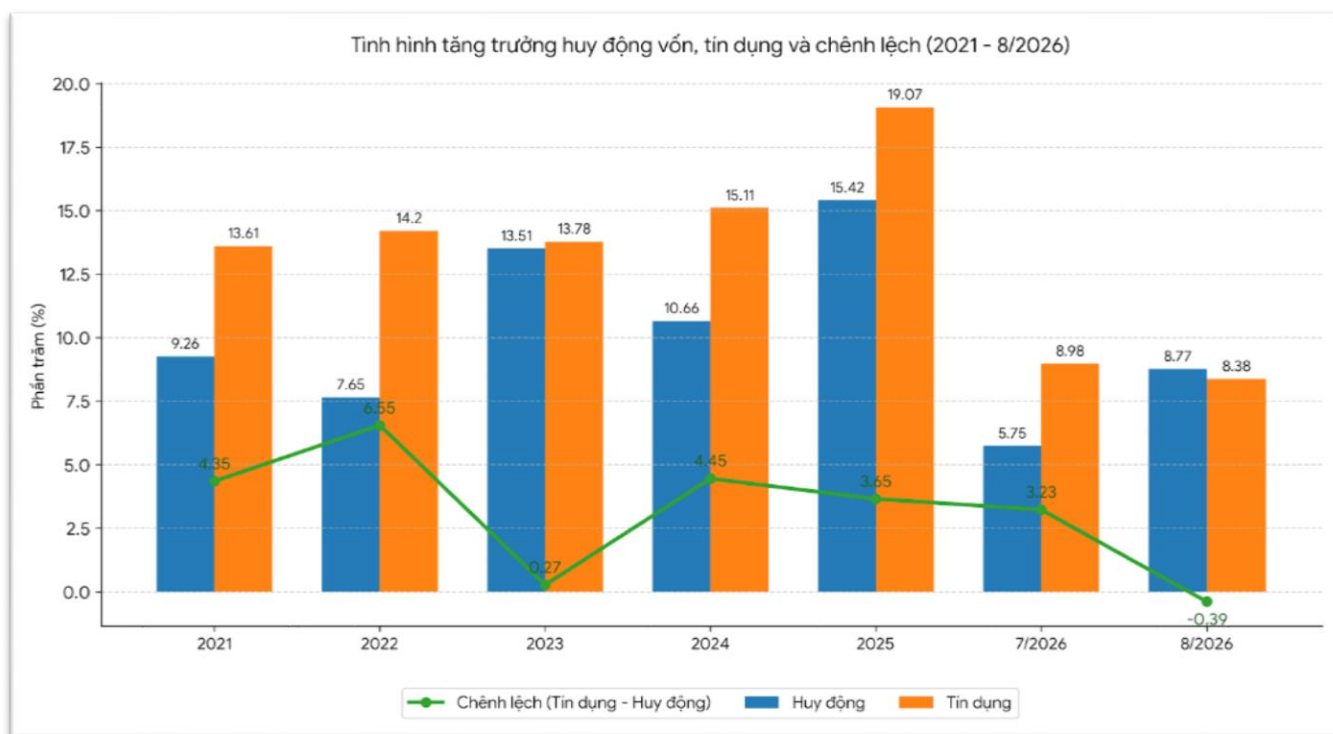
### Tác động và xu hướng các tháng cuối năm

- Theo kết quả khảo sát mới nhất của NHNN, triển vọng ổn định của hệ thống tài chính Việt Nam trong 6 tháng cuối năm được đánh giá tập trung ở mức "Ổn định" và "Bình thường".
- Nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng duy trì ở mức cao và hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ tiếp tục là cơ sở ngăn ngừa các rủi ro hệ thống.
- Về xu hướng, dòng tiền nhàn rỗi vẫn đang tiếp tục chảy vào hệ thống giúp thanh khoản cải thiện, qua đó tạo dư địa lớn để các tổ chức tín dụng thiết lập sự linh hoạt trong điều hành lãi suất và bơm vốn ra nền kinh tế.
- Tuy nhiên, cần tiếp tục tập trung nguồn lực tháo gỡ vướng mắc cho thị trường bất động sản, thị trường trái phiếu doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy các nền tảng thị trường vốn trung - dài hạn nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc quá mức của doanh nghiệp vào tín dụng ngân hàng.
- Hệ thống tài chính cũng cần triển khai các chuẩn mực Basel III sâu rộng hơn, đặc biệt ưu tiên nâng cao các cơ chế cảnh báo sớm, bảo đảm an ninh mạng và an toàn hoạt động trước bối cảnh ngành Ngân hàng đang đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số toàn diện.

## 2.5. Kết quả kinh doanh ngân hàng

### Tổng quan kết quả kinh doanh ngân hàng quý II/2026

Trong nửa đầu năm 2026, ngành Ngân hàng Việt Nam duy trì đà tăng trưởng ổn định với tổng tài sản toàn hệ thống đạt gần 29,85 triệu tỷ đồng (tăng 6,34% so với đầu năm). Vốn điều lệ toàn hệ thống đạt trên 1,30 triệu tỷ đồng. Điểm đáng chú ý nhất về quy mô là sự chênh lệch giữa tốc độ tăng trưởng tín dụng và huy động vốn (Đến 31/07/2026, dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế bứt tốc đạt 8,98%, trong khi huy động vốn chỉ tăng 5,8%).



Nguồn: VNBA tổng hợp

Tuy nhiên, đến 22/8/2026, tốc độ tăng huy động vốn của hệ thống ngân hàng, sau thời gian dài tăng chậm hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng (bình quân giai đoạn 2021-2025 là 3,8 điểm%/năm), đã bứt lên tăng 8,77% so với 8,38% (tốc độ tăng trưởng tín dụng). Sự đảo chiều có thể bắt nguồn từ việc các ngân hàng chủ động rà soát lại chất lượng danh mục cho vay, kiểm soát quy trình cấp tín dụng vào các lĩnh vực rủi ro cao (như bất động sản, chứng khoán) để đảm bảo an toàn hệ thống hoặc một lượng lớn các khoản vay ngắn hạn (cho vay lưu động, tài trợ thương mại) đến hạn trả nợ, khiến tổng dư nợ tuyệt đối giảm xuống dù doanh số cho vay mới vẫn diễn ra.

Bên cạnh đó, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) toàn hệ thống hiện được duy trì ở mức an toàn khoảng trên 77% - thấp hơn nhiều so với trần quy định 85% của NHNN), góp phần giải tỏa hoàn toàn áp lực "nghẽn" thanh khoản sau giai đoạn tăng trưởng tín dụng vượt tốc trước đó. LDR về mức 77% cũng sẽ giúp bình ổn lãi suất liên ngân hàng và hạ nhiệt cuộc đua tăng lãi suất tiền gửi thời gian qua, cơ sở để giảm mặt bằng lãi vay. Qua đó, tạo dư địa tăng trưởng lớn cho giai đoạn cao điểm cuối năm khi các ngân hàng đẩy mạnh giải ngân tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng — mà không lo vi phạm các chỉ tiêu an toàn hoạt động.

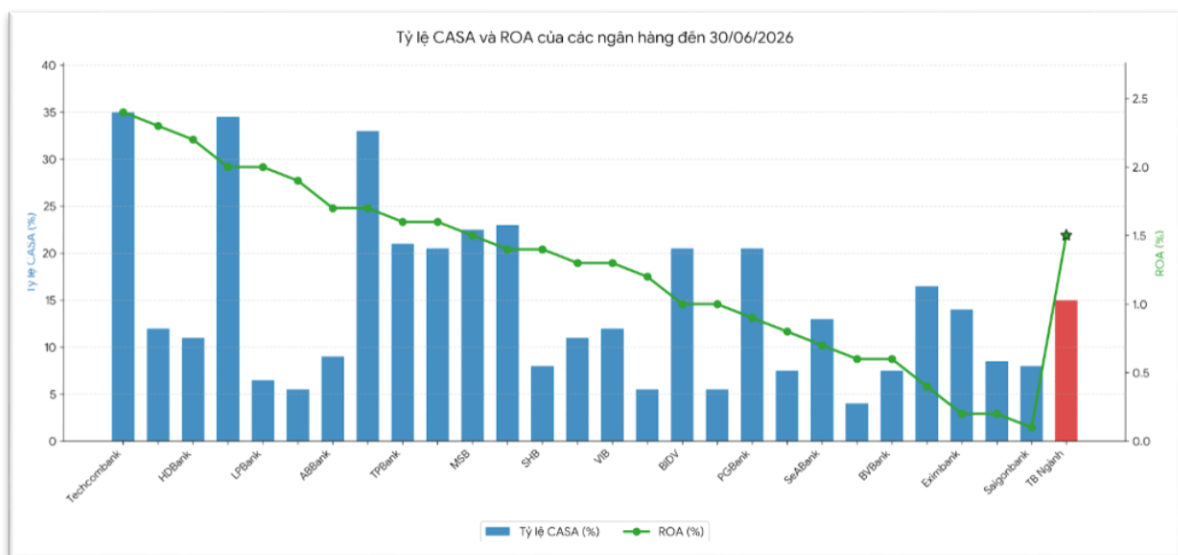
## Một số chỉ số bình quân ngành

| Chỉ số tài chính                           | Cuối năm 2025 | Cuối Quý II/2026 | Xu hướng |
|--------------------------------------------|---------------|------------------|----------|
| ROE (Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu) | 17,2%         | 17,6%            | Tăng     |
| ROA (Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản)   | 1,5%          | 1,5%             | Đi ngang |
| CASA (Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn)         | 15,4%         | 14,7%            | Giảm     |

Nguồn: VNBA tổng hợp

Quý II/2026 chứng kiến sự tăng trưởng về mặt lợi nhuận của các ngân hàng (theo số liệu của 27 ngân hàng niêm yết). Động lực chính đến từ việc tối ưu hóa chi phí hoạt động và sự phục hồi của sức cầu nền kinh tế. Tổng thu nhập lãi thuần (NII) của nhóm ngân hàng thống kê tăng 16,4% và tổng thu nhập hoạt động (TOI) tăng 16,5% so với cùng kỳ.

Tỷ lệ ROA bình quân duy trì ở mức 1,5%, trong khi ROE bình quân đạt 17,6%, cao hơn so với cuối 2025. Tuy nhiên, điểm cần lưu ý là tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) toàn Ngành có sự sụt giảm từ 15,4% xuống 14,7%, phản ánh áp lực cạnh tranh huy động nguồn vốn giá rẻ trong bối cảnh dòng tiền nhàn rỗi có xu hướng tìm kiếm các kênh sinh lời cao hơn. Việc đẩy nhanh ứng dụng các nền tảng công nghệ thanh toán số và tăng cường hệ thống quản trị rủi ro giao dịch hiện đại sẽ giúp các ngân hàng thu hút và giữ chân dòng tiền không kỳ hạn hiệu quả hơn.



Nguồn: VNBA tổng hợp

### Triển vọng và thách thức nửa cuối năm

**Động lực tăng trưởng tín dụng:** Ngành ngân hàng hướng tới mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15% cho cả năm 2026. Lực cầu vốn kỳ vọng tiếp tục tăng mạnh nhờ sự phục hồi của hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại quốc tế và các động thái đẩy mạnh giải ngân đầu tư công.

**Áp lực chi phí vốn và biên lãi thuần (NIM):** CASA giảm và tín dụng tăng nhanh hơn huy động, xu thế tăng lãi suất huy động có thể sẽ tiếp diễn nhằm đảm bảo thanh khoản, tạo áp lực nhất định lên chi phí vốn (COF). Các ngân hàng có lợi thế hệ sinh thái số và duy trì được tệp khách hàng cá nhân lớn sẽ có ưu thế bảo vệ NIM.

*Chất lượng tài sản và xử lý Nợ xấu:* Mặc dù xác suất xảy ra cú sốc hệ thống được đánh giá ở mức thấp, áp lực nợ xấu tiềm ẩn vẫn hiện hữu. Trọng tâm của nửa cuối năm là tiếp tục tăng cường trích lập dự phòng rủi ro, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, và hoàn thiện bộ đệm vốn nhằm đáp ứng lộ trình áp dụng chuẩn mực an toàn Basel III.

*Bước tiến Chuyển đổi số:* Ngành ngân hàng đang chuyển dịch mạnh mẽ sang giai đoạn "Ngân hàng thông minh dựa trên dữ liệu và AI". Quá trình áp dụng đồng bộ dữ liệu sinh trắc học và hệ thống cảnh báo gian lận (SIMO) sẽ tiếp tục là nền tảng cốt lõi đảm bảo an toàn giao dịch số, gia tăng niềm tin của người tiêu dùng dịch vụ tài chính, ngân hàng./

---

*Thông tin, dữ liệu được tổng hợp từ nguồn của các tổ chức quốc tế (IMF, WB, ADB, WTO, OECD, UNCTAD, S&P Global, Bloomberg, Financial Times, Tradingeconomics...; và các tổ chức trong nước như VGA, NSO, SBV, MOF, VBMA, Fiin Group, Widata,...).*

**Thông tin liên hệ: BAN BIÊN TẬP BẢN TIN**

Địa chỉ: 193 Bà Triệu, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0983.534.586; (024) 3 821 8733 | Email: [vnba1994@gmail.com](mailto:vnba1994@gmail.com) | Website: [www.vnba.org.vn](http://www.vnba.org.vn)